

Biểu mẫu 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHAN ĐĂNG LƯU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông**

Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	856	238	195	210	213
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	774 90.42%	215 90.34%	178 91.28%	188 89.52%	193 90.61%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	75 8.76%	22 9.24%	16 8.21%	18 8.57%	19 8.92%
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	07 0.81%	01 0.42%	01 0.51%	04 1.9%	01 0.47
4	Chưa đạt/ Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	856	238	195	210	213
1	Tốt/Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	213 24.88%	65 27.31%	50 25.64%	33 15.71%	65 30.52%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	333 38.90%	92 38.66%	67 34.36%	88 41.9%	86 40.38%

3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	296 34.57%	79 33.19%	70 35.9%	85 40.48%	62 29.11%
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	14 1,63%	02 0.84%	08 4.1%	04 1.9%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	856	238	195	210	213
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	853 99.65%	237 99.58%	193 98.97%	210 100%	213 100%
a	Học sinh Tốt/giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	306 35.83%	69 39.30 %	63 28.38%	64 29.22%	100 46.8%
b	Học sinh Khá/tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	390 35.48%	87 43.28%	108 48.64%	100 45.66%	95 44.81%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	14 1.63%	02 0.84%	08 4.1%	04 1.9%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	03 0,35%	01 0.42%	02 1.02%	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3/42	2/6	1/13	0/13	0/10
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận	30	8	8	7	7

2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	0	1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	213	0	0	0	213
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	213	0	0	0	213
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	65 30.52%	0	0	0	65 30.52%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	86 40.38%	0	0	0	86 40.38%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	86 40.38%	0	0	0	86 40.38%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	455/401	129/109	95/100	120/90	111/102
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	47	14	9	14	10

Quận 8, ngày 05 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Toại

